TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **---**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **----------**

Bản án số: **102** /2018/KDTM-PT
Ngày: 15/8/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Nga
Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
: Bà Ngô Tuyết Băng
- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:
Bà Ngô Huyền Phương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân TP Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2018/KTPT ngày 29/3/2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 11/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện GL bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248 ngày 21/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần PB

Trụ sở: Số 13, đường TS5, khu công nghiệp TS, thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh.
Đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị L
Địa chỉ: Tầng 4 tòa nhà HT, số 102 TT, Q. ĐĐ, Hà Nội
(Có mặt tại phiên tòa)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn
Ông Lê Đình V – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MT, đoàn luật sư TP Hà Nội
(Xin vắng mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Công ty Cổ phần TĐ
Trụ sở: Cụm công nghiệp thực phẩm H, xã LC, huyện GL, Hà Nội
Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H – Giám đốc Công ty.
(Vắng mặt tại phiên tòa)

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần PB

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai của nguyên đơn do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 1.3.2013, Công ty cổ phần PB (sau đây gọi tắt là công ty PB) và Công ty cổ phần TĐ (sau đây gọi tắt là công ty TĐ) có kí kết hợp đồng nguyên tắc số 34HĐ/2013 về việc mua bán bao bì màng ghép.

Nội dung hợp đồng :

Công ty PB đồng ý bán và Công ty TĐ đồng ý mua các sản phẩm cuộn màng Snack, cấu trúc, giá cả, quy cách số lượng được thể hiện trong các phụ lục hợp đồng hoặc các đơn hàng đính kèm theo được coi là một phần không thể tách rời của hợp đồng nguyên tắc trên.

- Về thời gian và phương thức giao nhận:

Thời gian giao hàng là 20 ngày kể từ ngày các bên ký hợp đồng và duyệt Cromalin đặt in trục, các đợt giao hàng sau khi có đơn đặt hàng của Công ty TĐ là 15 ngày. Công ty PB có trách nhiệm giao hàng đến kho của Công ty TĐ tại Hà Nội.

- Về thời hạn và phương thức thanh toán:

Trị giá từng lô hàng được thanh toán không muộn quá 30 ngày kể từ ngày Công ty TĐ nhận hàng của Công ty PB và được thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo số lượng giao nhận thực tế giữa hai bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Tổng giá trị hàng hóa đã giao trên thực tế là **822.312.683đ** nhưng Công ty TĐ mới thanh toán cho Công ty PB số tiền là: **553.286.763 đồng** được thể hiện tại Lệnh chuyển có ngày 22/5/2013; Phiếu thu ngày 12/6/2013, Phiếu chi ngày 11/6/2013; Phiếu thu, Biên lai thu tiền ngày 25/7/2013; Phiếu thu ngày 31/8/2013, Phiếu chi ngày 26/8/2013; Phiếu thu, chi ngày 23/9/2013; Phiếu thu, chi ngày 21/10/2013; Phiếu thu ngày 27/12/2013, Phiếu chi ngày 25/12/2013.

Số tiền **66.713.237 đồng** nằm trong Lệnh chuyển có ngày 22.5.2013 là do Công ty TĐ thanh toán tiền hàng còn thiếu của các hóa đơn được phát hành theo hợp đồng số 26 HW/ 2012.

Yêu cầu của Công ty PB yêu cầu Công ty TĐ thanh toán số tiền còn thiếu là: **269.025.920 đồng**

Yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 25.4.2015 đến ngày đưa vụ án ra xét xử:

Với mức tính lãi chậm trả là 0,75%/ tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ Luật dân sự.

Về việc tham gia tố tụng của bị đơn: Đại diện theo pháp luật của Công ty TĐ đã được giao thông báo thụ lý vụ án tuy nhiên không có ý kiến, không nộp bản tự khai và không làm việc với Tòa án nên Tòa án không có quan điểm của Bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 11/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện GL đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần PB đối với Công ty cổ phần TĐ về việc yêu cầu thanh toán tiền mua hàng còn chưa trả và tiền lãi do chậm thanh toán.

Buộc Công ty cổ phần TĐ phải trả cho Công ty cổ phần PB số tiền hàng chưa trả là 202.312.683 đồng và khoản tiền phạt do chậm thanh toán (tính từ ngày 1.4.2014 đến ngày xét xử sơ thẩm là 42 tháng 11 ngày) là 64.284.849 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả là: 266.597. 532 đồng

Ngoài ra, Tòa án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự. Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 23/10/2017 nguyên đơn là Công ty Cổ phần PB đã nộp đơn kháng cáo đề nghị tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm liên quan đến tiền nợ gốc, tiền lãi và án phí sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Đại diện nguyên đơn có ý kiến: Nguyên đơn và bị đơn vẫn thực hiện việc mua bán hàng hóa theo phương thức khi giao hàng thì kiểm đếm số lượng và thanh toán theo từng đợt. Hợp đồng số 34 ngày 01/3/2013 là hợp đồng mua bán cuối cùng giữa hai bên nên công nợ còn thiếu là số tiền 269.025.920 đồng là khoản nợ theo hợp đồng số 34.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến: Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của thẩm phán tại cấp phúc thẩm, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về yêu cầu kháng cáo: Căn cứ theo hợp đồng số 34/2013 và các hóa đơn do Nguyên đơn xuất trình thì tổng giá trị tiền hàng hóa đã giao là 822.312.683 đồng. Theo các tài liệu do nguyên đơn xuất trình thì không có căn cứ để xác định số tiền trong lệnh chuyển tiền ngày 22/5/2013 là chuyển tiền cho hợp đồng số 26. Người kháng cáo cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh việc đã xuất hàng phù hợp với các hóa đơn, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo về nợ gốc. Về tiền lãi phạt chậm trả: Hợp đồng số 34 không có thỏa thuận về phạt chậm trả: Đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng điều 306 Luật Thương mại để xác định mức lãi xuất phạt chậm trả cho phù hợp quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở thẩm tra xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng:

Tranh chấp hợp đồng mua bán giữa Công ty cổ phần PB và Công ty Cổ phần TĐ là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án bằng vụ án kinh doanh thương mại. Tòa án nhân dân huyện GL xét xử là đúng thẩm quyền.

Sau khi xét xử sơ thẩm, không đồng ý với bản án, nguyên đơn là Công ty cổ phần PB kháng cáo trong thời hạn và đã nộp tiền tạm ứng án phí, Tòa án nhân dân TP Hà Nội thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều: điều 38, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án hai cấp đã tống đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn là Công ty Cổ phần TĐ do bà Nguyễn Thị H đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng nhưng đại diện bị đơn đều không đến Tòa án không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung kháng cáo:

Hai bên đã kí hợp đồng nguyên tắc số 34HĐ/2013 ngày 1.3.2013. Việc ký kết hợp đồng là tự nguyện, không vi phạm các quy định của pháp luật, đối tượng mua bán phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh nên hợp đồng có hiệu lực thi hành.

Về yêu cầu khởi kiện thanh toán số tiền còn thiếu của nguyên đơn thấy:

Công ty TĐ đã thừa nhận công nợ 269.025.920 đồng với Công ty PB do công ty có ý kiến phản hồi số nợ này do giám đốc cũ để lại và đã đối chiếu công nợ tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2014 có dấu của Công ty. Tuy nhiên tại phần xác nhận chỉ ghi " số tiền trên là tồn tại nợ xấu cũ của các năm trước giám đốc Vũ Quang" kế toán đã đối chiếu và kế toán kí nhưng không rõ tên. Tại biên bản này tại phần tiền còn nợ có dòng bản kê chi tiết kèm theo, theo giải thích của đại diện ủy quyền của nguyên đơn chính là Bảng đối chiếu công nợ bạn hàng là Công ty TĐ đã nộp cho Tòa án. Phía nguyên đơn nộp Biên bản đối chiếu công nợ không nộp kèm theo giấy ủy quyền của đại diện theo pháp luật của Công ty TĐ ủy quyền cho kế toán của mình thay mặt Công ty xác nhận công nợ. Biên bản đối chiếu cũng không thể hiện ngày, tháng, năm lập. Vì vậy, mặc dù có dấu treo của Công ty TĐ trên Biên bản đối chiếu công nợ thì văn bản này không phải là căn cứ xác định công nợ giữa hai công ty.

Đại diện ủy quyền của Công ty PB chỉ yêu cầu xẹm xét giải quyết công nợ của hợp đồng số 34HĐ/ 2013 mà không xem xét đối với các hợp đồng khác.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định công nợ còn như sau:

Căn cứ theo Hợp đồng nguyên tắc số 34HĐ/2013 và các hóa đơn do phía Công ty PB cung cấp thì tổng giá trị tiền hàng hóa đã giao (sau khi đã tính cả giảm giá) là 822.312.683 đồng.

Theo Lệnh chuyển có ngày 22/5/2013; Phiếu thu ngày 12/6/2013, Phiếu chi ngày 11/6/2013; Phiếu thu, Biên lai thu tiền ngày 25/7/2013; Phiếu thu ngày 31/8/2013, Phiếu chi ngày 26/8/2013; Phiếu thu, chi ngày 23/9/2013; Phiếu thu, chi ngày 21/10/2013; Phiếu thu ngày 27/12/2013, Phiếu chi ngày 25/12/2013. Tổng số tiền đã thanh toán là 620.000.000 đồng. Các phiếu thu đều ghi nội dung thu tiền hàng công ty TĐ , Lệnh chuyển tiền ngày 22.5.2013 ghi Nguyễn Thị H trả tiền bao bì mà không ghi thanh toán tiền cho hóa đơn nào. Theo quy định tại Điều 18 Luật kế toán năm 2013 thì chứng từ kế toán phải ghi rõ nội dung kế toán. Tuy nhiên, Công ty PB ghi không rõ nội dung thanh toán trong chứng từ kế toán thì phải chịu hậu quả của việc làm không đúng này.

Đại diện ủy quyền Công ty PB khẳng định không thể bóc tách, xác định khoản tiền trong mỗi phiếu thu tiền là thu cho hóa đơn nào và cũng không đưa ra căn cứ nào để xác định số tiền chênh lệch 66.713.237 đồng nằm trong Lệnh chuyển có ngày 22.5.2013 là Công ty TĐ thanh toán tiền hàng còn thiếu của các hóa đơn được phát hành theo hợp đồng số 26 HW/ 2012 nên không có căn cứ để xác định số tiền 66.713.237 đồng nằm trong khoản tiền 100.000.000 đồng tại lệnh chuyển tiền ngày 22.5.2013 là thanh toán cho hóa đơn được phát hành theo hợp đồng số 26 HW/ 2012.

Như vậy, có căn cứ để cho rằng Công ty TĐ thanh toán cho Công ty PB số tiền là 620.000.000 đồng đã thu theo các phiếu thu như đã nêu theo Hợp đồng số

34HĐ/2013 nên còn nợ lại công ty PB số tiền là 822.312.683 đồng – 620.000.000 đồng = 202.312.683 đồng

Vì vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty PB về việc hoàn trả tiền nợ còn lại theo hợp đồng mua bán.

Về tiền phạt chậm trả với mức lãi suất 9% /tháng

Theo Điều 306 Luật thương mại 2005 về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán: "Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".

Mức lãi suất này thấp hơn so với mức lãi suất trung bình của 3 Ngân hàng TMCP là Vietcombank, Viettinbank và Agribank tại thời điểm xét xử nên đề nghị áp dụng mức lãi suất này được chấp nhận. Công ty PB đề nghị tính phạt lãi chậm trả từ ngày 1.4.2014. Yêu cầu này phù hợp với nguyên tắc tự định đoạt của đương sự trong Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận tính từ thời điểm trên.

Từ những phân tích trên thấy, Công ty PB kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm tuyên phần trả nợ chưa đúng là không có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty PB phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm và phải chịu án phí sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Công ty TĐ phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của công ty PB được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 38, điều 147, khoản 1 điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Căn cứ: Khoản 2 điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần PB, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 11/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện GL, TP Hà Nội

Xử:

1. Buộc Công ty cổ phần thương mại dịch vụ TĐ phải trả cho Công ty cổ phần bao bì LIKSIN PB số tiền **202.312.683** đồng và khoản tiền do chậm thanh toán (tính từ ngày 1.4.2014 đến ngày xét xử sơ thẩm là 42 tháng 11 ngày) là **64.284.849** đồng. Tổng cộng số tiền phải trả là: **266.597. 532** đồng

KÓ tõ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11.10.2017) Công ty cổ phần dịch vụ thương mại TĐ còn phải trả thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán cho Công ty cổ phần bao bì LIKSIN PB .

2. Về án phí:

Công ty cổ phần PB phải chịu 4.378.754 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận và phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đối trừ với số tiền 2.000.000 đồng công ty đã nộp theo biên lai số 0003240 ngày 31/10/2017. Hoàn trả Công ty cổ phần PB số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại đã nộp là 3.830.535 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2010/00002084 ngày 21.10.2015.

Công ty cổ phần dịch vụ và thương mại TĐ phải chịu **13.329.876** đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

4. Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hà Nội
- TAND H. GL;
- VKSND H. GL;
- Cơ quan THADS H. GL;
- Các đương sự.
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Nga